

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC-VĨNH LONG**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 11 - 2025.

V/v ly hôn giữa chị T và anh C.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Ông Phạm Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp B, phường H, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 131, khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 9 năm 2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh C quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2024, chung sống với nhau đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống mỗi người khác nhau, xét thấy cuộc sống không còn phù hợp, nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C. Thời gian chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/8/2024, hiện nay chị đang nuôi dưỡng, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C có đơn xin vắng mặt. Trong đơn anh có nêu, đồng ý ly hôn, đồng ý để chị T nuôi con, đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc C kết hôn năm 2024, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh C, anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, anh C và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị T và anh C có đăng ký kết hôn vào năm 2024. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị T và anh C sống ly thân, anh C cũng đồng ý ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn và anh C đồng ý ly hôn là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh C chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/8/2024, chị T yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Minh T là do chị T nuôi dưỡng, hiện nay cháu T còn nhỏ và anh C cũng đồng ý việc chị T yêu cầu nuôi con, nhằm tạo sự ổn định cho cháu, xét yêu cầu của chị T về việc nuôi cháu Minh T và sự đồng ý của anh C là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng và được anh C đồng ý là có căn cứ chấp nhận, đúng quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, vì vậy chị T phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng và anh C phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; các Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/8/2024 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh C, nhưng nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh Nguyễn Quốc C.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự thỏa thuận, anh Nguyễn Quốc C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực, pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0003367 ngày 26/9/2025, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Quốc C nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- UBND phường N, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng